

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2018
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Thuận
2. Bà Dương Thị Bạ

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14/8/2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 640/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2018, quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phan Thanh A, sinh năm 1970; thường trú: Ấp BĐ1, xã BTĐ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang; tạm trú: 13A/5 khu phố 4, phường AP, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Phan Kim P, sinh năm 1972; thường trú: Ấp BĐ1, xã BTĐ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang; tạm trú: 102/2 khu phố ĐT, phường LT, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2018, bản tự khai ngày 26/6/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Thanh A trình bày:

Ông Phan Thanh A và bà Phan Kim P tự nguyện chung sống nhau, có tổ chức lễ cưới, được sự đồng ý của gia đình hai bên nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 1988. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, làm cho vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã nhiều lần ngồi nói chuyện để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đến nay vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng ly thân từ năm 2007 đến nay. Nay ông Phan Thanh A xác định không còn tình cảm với bà P, hai vợ chồng không thể đoàn tụ hạnh phúc được với nhau, yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông Phan Thanh A và bà Phan Kim P.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Phan Đức N1, sinh 1990, Phan Thanh N2, sinh năm 1991 và Phan Thị Trúc P, sinh năm 1992 (cháu P đã chết còn nhỏ). Hiện nay các con chung đã trên 18 tuổi nên tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; quyền và nghĩa vụ về tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 26/6/2018 bị đơn bà Phan Kim P trình bày: Bà thống nhất với trình bày của ông A về việc ông bà chung sống không đăng ký kết hôn và thời gian chung sống. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông A ngoại tình, bà P có khuyên can nhưng ông A không thay đổi, đánh đập vợ con dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau. Nay ông A nộp đơn lên Tòa yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà P và ông A thì bà P đồng ý.

Vợ chồng có 03 con chung tên Phan Đức N1, sinh 1990, Phan Thanh N2, sinh năm 1991 và Phan Thị Trúc P, sinh năm 1992 (cháu Phương đã chết còn nhỏ). Nay con chung Phan Đức N1 và Phan Thanh N2 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; quyền và nghĩa vụ về tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, cả ông A và bà P đều thống nhất yêu cầu tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng; Về con chung: các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ về tài sản thì không yêu cầu tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông A và bà P; về con chung: các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ về tài sản thì không yêu cầu tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Nguyễn Kim P có đăng ký tạm trú tại địa chỉ 102/2 khu phố ĐT, phường LT, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36; Khoản 1 Điều 39 Bộ

luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông A và bà P, về con chung đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu tòa án giải quyết, tài sản chung về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ về tài sản thì không yêu cầu tòa án giải quyết. Như vậy quan hệ pháp luật trong vụ án này là ly hôn.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Thanh A và bà Phan Kim P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988, không tiến hành đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa ông A và bà P không phải là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông bà đã ly thân từ năm 2007 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau và thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, do ông A và bà P không có đăng ký kết hôn nên không thể công nhận thuận tình ly hôn. Trên cơ sở yêu cầu của ông A, Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Thanh A và bà Phan Kim P theo điểm b, c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Ông A và bà P có 03 con chung tên Phan Đức N1, sinh 1990, Phan Thanh N2, sinh năm 1991 và Phan Thị Trúc P, sinh năm 1992 (cháu P đã chết còn nhỏ). Nay con chung Phan Đức N1 và Phan Thanh N2 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; quyền và nghĩa vụ về tài sản: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Phan Thanh A phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm b, c Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Thanh A đối với bị đơn bà Phan Kim P.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Thanh A và bà Phan Kim P.

- Về con chung: Các con chung đã trên 18 tuổi nên không xem xét.

- Về tài sản chung; quyền và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

2. Về án phí: Ông Phan Thanh A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0023671 ngày 18/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THA thị xã Thuận An;
- Các đương sự;
- UBND xã BTĐ,
huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nhâm